

# **CHÍNH SÁCH CỬ TUYỂN - MỘT CHỦ TR- ỜNG ĐÚNG TRONG CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ N- ỚC TA VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO Ở VÙNG MIỀN NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ**

NGUYỄN THỊ MỸ TRANG  
LÊ THỊ THU HÀ

N- ớc ta có 54 dân tộc. Dân tộc Kinh (Việt) là dân tộc đa số, chiếm hơn 83,6% dân số, 53 dân tộc còn lại là dân tộc thiểu số. Phần lớn các dân tộc thiểu số n- ớc ta c- trú ở các vùng rừng núi, biên giới - nơi có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng. Do hoàn cảnh, điều kiện và nhiều nguyên nhân khác nhau chi phối nên lịch sử đã để lại mức độ chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, xã hội giữa các dân tộc thiểu số với nhau cũng nh- giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc đa số.

Để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc thì việc khắc phục tình trạng chênh lệch trong sự phát triển giữa các dân tộc nêu trên là vấn đề tr- ớc hết và cơ bản. Trong Tuyên ngôn độc lập, ngày 2 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng tuyên bố: "Tất cả mọi ng- ời sinh ra đều có quyền bình đẳng"<sup>1</sup>. Hiến pháp 1959, 1980, 1992 của n- ớc ta đều khẳng định quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Thực hiện chính sách dân tộc nhất quán của Đảng với những nguyên tắc cơ bản là "bình đẳng, đoàn kết, t- ơng trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển"<sup>2</sup>, Đảng và Nhà n- ớc ta luôn quan tâm đến sự nghiệp phát triển toàn diện kinh tế – văn hóa - xã hội vùng dân tộc và miền núi, nhất là phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

"Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số đ- ợc giúp đỡ về mọi ph- ơng diện để nhanh chóng tiến kịp trình độ chung"<sup>3</sup>. Đây không chỉ là sự thừa nhận trên ph- ơng diện

pháp lý mà còn trở thành thực tế thông qua việc nỗ lực thực hiện những chủ tr- ơng, chính sách của Đảng và Nhà n- ớc đối với đồng bào các dân tộc thiểu số. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Đảng và Nhà n- ớc ta có chính sách - u tiên trong tuyển sinh đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Chính sách cử tuyển là một trong những chính sách - u tiên đó.

Sinh viên hệ cử tuyển chủ yếu là con em các dân tộc thiểu số ở vùng núi, vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đối t- ơng này do các địa ph- ơng chọn cử, chỉ cần tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc t- ơng đ- ơng), không phải thi tuyển, đ- ợc bồi d- ỡng văn hoá một năm, sau đó vào học chính thức cùng với sinh viên thuộc các đối t- ơng khác (đối với các "Lớp riêng", các tr- ờng đại học, cao đẳng thực hiện ch- ơng trình riêng phù hợp với khả năng tiếp thu của sinh viên).

Thực hiện Nghị quyết số 22 -NQ/TW, ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị và Quyết định số 72 HĐBT, ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ tr- ởng (nay là Chính phủ), từ năm 1990, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã mở các "Lớp riêng" hệ cử tuyển tại một số tr- ờng đại học, cao đẳng dành cho học sinh ng- ời dân tộc thiểu số, vùng cao. Trong 13 năm thực hiện (tính đến năm 2003), chính sách cử tuyển luôn đ- ợc bổ sung cho phù hợp với yêu cầu phát triển của đất n- ớc nói chung, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng. Đặc

biệt là chế độ cử tuyển này đã đ-ợc quy định trong Điều 78 của Luật Giáo dục (ngày 02/12/1998); trong "Thông t- Liên tịch h- ớng dẫn tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp theo chế độ cử tuyển" ngày 26/02/2001 (số 04/2001/TTLT - BGD & ĐT, BTCCBCP, UBĐT & MN) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

Có thể nói, chính sách cử tuyển là một chủ tr- ớng đúng đắn của Đảng và Nhà n- ớc ta trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Điều đó đ-ợc thể hiện ở những điểm d- ới đây:

*Thứ nhất*, chính sách cử tuyển góp phần "phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn, phấn đấu giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng lãnh thổ"<sup>4</sup>, thể hiện tính - u việt trong giáo dục, đào tạo đối với sinh viên ng- ời dân tộc thiểu số. Đó là, ng- ời thuộc diện cử tuyển đ-ợc tuyển thẳng vào đại học, cao đẳng mà không phải thi tuyển; họ đ-ợc h- ớng các chính sách đãi ngộ cả về vật chất lẫn tinh thần trong suốt quá trình đạo tạo và sau khi tốt nghiệp, hơn hẳn các đối t- ợng khác.

*Thứ hai*, chính sách cử tuyển là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà n- ớc ta nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ, công chức là ng- ời dân tộc thiểu số.

Để phát triển đất n- ớc và thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, việc khai thác và sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau là vấn đề có ý nghĩa to lớn, "trong đó, nguồn lực con ng- ời là quý báu nhất, có vai trò quyết định đặc biệt đối với n- ớc ta, trong khi nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất còn hạn hẹp"<sup>5</sup>. Có thể nói, việc phát huy nguồn lực con ng- ời đối với vùng dân tộc thiểu số là vô cùng cần thiết và có tầm quan trọng đặc biệt. Bởi vì, đây là địa bàn có vị

trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng; là khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế to lớn. Việc khai thác các thế mạnh của vùng dân tộc thiểu số hiện nay rất cần đến "nguồn nhân lực có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, đ-ợc đào tạo, bồi d- ỡng và phát huy bởi một nền giáo dục đào tạo tiên tiến gắn liền với một nền khoa học, công nghệ hiện đại"<sup>6</sup>; trong đó, nguồn nhân lực là ng- ời dân tộc thiểu số không thể thiếu, cần đ-ợc đào tạo và sử dụng.

Thực hiện và thực hiện tốt chính sách cử tuyển sẽ góp phần đáng kể vào việc đào tạo nguồn cán bộ, công chức ng- ời dân tộc thiểu số cả về "công tác quy hoạch, đào tạo, bồi d- ỡng, sử dụng cán bộ ng- ời dân tộc thiểu số cho từng vùng, từng dân tộc"<sup>7</sup>, đáp ứng từng b- ớc yêu cầu của địa ph- ớng nói riêng, của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nói chung.

*Thứ ba*, chính sách cử tuyển góp phần đào tạo đội ngũ trí thức trẻ là ng- ời dân tộc thiểu số, phát huy nội lực của thanh niên sinh viên ng- ời dân tộc thiểu số.

"Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, ph- ớng tiện và ph- ớng pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển cao của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao"<sup>8</sup>.

Đây là quan điểm mang tính khái quát cao về lý luận và thực tiễn, phản ánh phạm vi rộng lớn và tổng thể của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo quan điểm đổi mới và phát triển, h- ớng vào phát triển con ng- ời, nhân lực chất l- ợng cao, lấy nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn

nhân lực thanh niên làm điều kiện cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thanh niên nói chung, thanh niên sinh viên nói riêng (trong đó có thanh niên sinh viên là ng-ời dân tộc thiểu số) là lớp ng-ời thực hiện những nhiệm vụ trọng đại và -ớc mơ cao đẹp mà thể hệ tr-ớc ch-a có điều kiện hoàn thành hoặc ch-a làm đ-ợc và nâng nó lên ở một tầm cao



mới, một trình độ mới. Đ-ợc đào tạo cơ bản, có hệ thống trong các tr-ờng đại học, cao đẳng, sinh viên ng-ời dân tộc thiểu số là nguồn cung ứng nhân lực lao động có trình độ chuyên môn cao, là "của quý", là nguồn tài nguyên vô giá đối với vùng dân tộc thiểu số, nơi sự phát triển kinh tế - xã hội còn thấp kém, dân trí ch-a đ-ợc nâng cao, lực l-ợng lao động trí tuệ còn rất khiêm tốn. Mặt khác, sinh viên ng-ời dân tộc thiểu số là nguồn bổ sung cho đội ngũ trí thức trẻ nói chung, trí thức là ng-ời dân tộc thiểu số nói riêng.

Với -u thế về tuổi đời, về học vấn, về sự nhiệt tình... thanh niên sinh viên ng-ời dân tộc thiểu số là lực l-ợng xung kích trong phong trào cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ hiện đại trong sản

xuất của đất n-ớc, của địa ph-ơng trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Là một bộ phận quan trọng của đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa, sinh viên ng-ời dân tộc thiểu số sẽ góp phần cùng với sinh viên ng-ời dân tộc đa số và các nhóm trí thức khác thay đổi môi tr-ờng xã hội, xây dựng lối sống công nghiệp - một yêu cầu hết sức cần thiết đối với vùng dân tộc thiểu số - nơi còn nhiều hủ tục lạc

hậu trong cả lối sống, suy nghĩ, cách làm ăn...

Quan điểm của Đảng và Nhà n-ớc ta là coi trọng đào tạo đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số: "Thực hiện tốt chính sách dân tộc, quan tâm phát triển, bồi d-ỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân

tộc thiểu số"<sup>9</sup>. Thực hiện chính sách cử tuyển là góp phần đào tạo đội ngũ trí thức trẻ là ng-ời dân tộc thiểu số, giải quyết đ-ợc những hạn chế về số l-ợng và bất cập về chất l-ợng của đội ngũ trí thức ng-ời dân tộc thiểu số hiện nay cũng nh-từng b-ớc thực hiện Nghị quyết Trung -ơng 2 khoá VIII về giáo dục, đào tạo.

Thứ t□ chính sách cử tuyển góp phần thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục đối với sinh viên ng-ời dân tộc thiểu số.

So với sự phát triển chung về các mặt kinh tế, văn hoá... thì sự phát triển của ng-ời dân tộc thiểu số bao giờ cũng chậm hơn và có sự chênh lệch khá lớn. Hiện nay, sự phân hoá giàu, nghèo

giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số là điều dễ nhận thấy và có khoảng cách chênh lệch khá xa.

Các dân tộc thiểu số phần lớn tập trung sinh sống ở những vùng đặc biệt khó khăn, đời sống kinh tế ch- a ổn định, đói - nghèo còn khá phổ biến. Vì thế, đói - nghèo không cho phép họ có điều kiện cần thiết để tham gia học tập và việc học hành ch- a trở thành nhu cầu thực sự đối với họ. Chính sách cử tuyển đã tạo điều kiện để những gia đình có khó khăn nhờ sự hỗ trợ của cộng đồng, sự quan tâm - u ái của Đảng và Nhà n- ớc vẫn có khả năng cho con em mình học đại học, cao đẳng; sinh viên ng- ời dân tộc thiểu số không bị bỏ học giữa chừng và có điều kiện thuận lợi tham gia các hoạt động trong học tập, vui chơi... nh- sinh viên ng- ời dân tộc đa số. Chính vì vậy, đã có một số dân tộc thiểu số có hàng trăm ng- ời tốt nghiệp đại học, cao đẳng. Có làng đại học ng- ời dân tộc thiểu số ở xã nghèo Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng là một ví dụ điển hình: xã có trên 800 hộ thì có đến hơn 300 ng- ời đang theo học đại học, đa số là ng- ời Khơ me và không ít gia đình có từ 3 đến 4 con học đại học"<sup>10</sup>.

Sau 13 năm thực hiện chính sách cử tuyển đã có 11.000 sinh viên của 54 dân tộc đ- ọc đào tạo tại các tr- ờng đại học, cao đẳng. Số con em của 53 dân tộc thiểu số đ- ọc cử tuyển vào đại học, cao đẳng từ năm 2000 đến năm 2003 là 3.341 ng- ời trong tổng số 3.619 sinh viên hệ cử tuyển, chiếm tỉ lệ 92, 3%. Một số dân tộc thiểu số nh- La Ha, Pu Péo, nhóm Pa Dí (dân tộc Tày)... tr- ớc đây ch- a có học sinh đ- ọc cử tuyển, thì từ năm 2001 đến 2003 đã có học sinh đ- ọc cử tuyển. Kế hoạch tuyển mới dự kiến trong năm học 2004 - 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ là 1.355 sinh viên, so với năm học 2003 - 2004 tăng 26% (cao nhất kể từ năm 1999 đến nay).

Thực hiện quan điểm của Đảng: giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, chính sách cử tuyển - mặc dù còn những bất cập trong quá trình thực hiện, đã đẩy mạnh việc phát triển giáo dục - đào tạo, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học nhằm tạo tiềm lực, động lực phát triển cho miền núi, vùng sâu, vùng xa tiến kịp miền xuôi, đảm bảo ổn định và phát triển ở các vùng có tộc ng- ời thiểu số sinh sống, làm ăn. Từng b- ớc thực hiện công bằng, bình đẳng, đoàn kết, hợp tác trong phát triển giáo dục và đào tạo.

- <sup>1</sup> Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXB CTQG, Hà Nội, 1995, tập 4, tr.1.
- <sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB CTQG, Hà Nội, 2001, tr. 127.
- <sup>3</sup> Hiến pháp n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1992, NXB CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 8,9.
- <sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung - ơng khóa VIII, NXB CTQG, Hà Nội, 1997, tr. 31.
- <sup>5</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung - ơng khóa VIII, NXB CTQG, Hà Nội, 1997, tr.9.
- <sup>6</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung - ơng khóa VIII, NXB CTQG, Hà Nội, 1997, tr.9.
- <sup>7</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung - ơng khóa VII, NXB CTQG, Hà Nội, 1994, tr.65.
- <sup>8</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung - ơng khóa VII, NXB CTQG, Hà Nội, 1994, tr.41.
- <sup>9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung - ơng khóa IX, NXB CTQG, Hà Nội, 2003, tr.35.
- <sup>10</sup> Nông thôn ngày nay, Chuyên đề Dân tộc thiểu số và Miền núi, số 51, 22/12/2003, tr. 15.